UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **1**
Từ SBD: **370001** đến SBD:**370018**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370001**	TRỊNH ĐỨC AN	Nam	08/07/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,25	3,75	2,60	3,00	Vật Lý	
2	**370002**	NGUYỄN NGỌC BÌNH AN	Nữ	02/08/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	8,25	9,20	7,25	Hóa Học	
3	**370003**	NGUYỄN NGỌC KHÁNH AN	Nữ	15/03/2006	TP Hồ CHÍ MINH	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,25	2,25	8,60	4,75	Sinh Học	
4	**370004**	HOÀNG NGUYỄN BÌNH AN	Nam	23/03/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,25	7,00	5,20	6,75	Vật Lý	
5	**370005**	PHẠM PHÚC AN	Nam	24/11/2006	KRÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	5,75	6,50	9,40	7,70	Tiếng Anh	
6	**370006**	LÊ THÀNH AN	Nam	17/02/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	7,25	6,80	7,00	Vật Lý	
7	**370007**	NGUYỄN TRẦN NHẬT AN	Nữ	15/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,75	6,00	5,00	6,00	Vật Lý	
8	**370008**	TRẦN TRÍ AN	Nam	04/03/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	6,50	6,20	5,50	Tin học	
9	**370009**	NGUYỄN VĂN AN	Nam	20/10/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	4,75	6,25	2,40	4,00	Hóa Học	
10	**370010**	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG ANH	Nữ	16/01/2006	HỒNG LĨNH - HA TĨNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	5,75	7,80	4,15	Tiếng Anh	
11	**370011**	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	20/09/2005	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,75	7,75	7,20	8,75	Hóa Học	
12	**370012**	ĐOÀN HOÀNG ANH	Nam	16/02/2006	BUÔN MA THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Đăk Buk So	5,50	7,00	6,40	5,75	Hóa Học	
13	**370013**	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	18/06/2006	NGHĨA HƯNG - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,75	5,25	4,00	1,50	Hóa Học	
14	**370014**	ĐẶNG KIỀU HOÀNG ANH	Nam	30/06/2006	AN NHƠN - BÌNH ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	7,75	7,80	6,75	Vật Lý	
15	**370015**	NGUYỄN LÊ MINH ANH	Nữ	30/09/2006	AN KHÊ - GIA LAI	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	4,00	8,40	5,00	Địa Lý	
16	**370016**	PHẠM LÊ QUỲNH ANH	Nữ	11/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	7,25	9,80	7,75	Tiếng Anh	
17	**370017**	HOÀNG NGỌC TÚ ANH	Nữ	07/09/2006	TÂN THÀNH - VŨNG TÀU	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	8,25	9,80	5,75	Tiếng Anh	
18	**370018**	LÊ NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	24/11/2006	TUY ĐỨC - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	5,25	4,75	6,40	5,50	Địa Lý	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **2**
Từ SBD: **370019** đến SBD:**370036**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370019**	PHẠM NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	18/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	6,25	5,40	5,00	Vật Lý	
2	**370020**	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	24/03/2006	Hồ CHÍ MINH	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	8,25	9,80	7,00	Hóa Học	
3	**370021**	VŨ NGUYỄN HÙNG ANH	Nam	29/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	6,25	5,80	5,25	Hóa Học	
4	**370022**	HÀ PHƯƠNG ANH	Nữ	18/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,75	4,25	5,80	3,88	Sinh Học	
5	**370023**	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	07/06/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	7,25	7,50	6,00	5,25	Hóa Học	
6	**370024**	DƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	17/08/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,50	7,25	10,00	8,00	Tiếng Anh	
7	**370025**	ĐẬU THỊ ANH	Nữ	24/04/2006	YÊN THÀNH - NGHỆ AN	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,25	5,25	3,40	1,25	Vật Lý	
8	**370026**	VƯƠNG THỊ ANH	Nữ	28/07/2006	NGHĨA HƯNG - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,75	8,00	5,00	2,00	Vật Lý	
9	**370027**	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	Nữ	19/08/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	5,75	7,00	4,60	8,50	Hóa Học	
10	**370028**	TRỊNH THỊ HOÀNG ANH	Nữ	25/08/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	5,25	5,25	6,80	4,50	Địa Lý	
11	**370029**	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH	Nữ	20/08/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,50	3,25	2,80	4,38	Sinh Học	
12	**370030**	LÊ THỊ KIM ANH	Nữ	05/02/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	5,75	7,00	8,40	4,30	Tiếng Anh	
13	**370031**	PHÙNG THỊ KIM ANH	Nữ	20/09/2006	CHƯƠNG Mỹ - Hà TÂY	Kinh	TH và THCS Phan Đình Giót	5,25	3,25	3,80	3,50	Hóa Học	
14	**370032**	LÊ THỊ MAI ANH	Nữ	06/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,91	2,25	2,80	3,50	Địa Lý	
15	**370033**	TRẦN THỊ NGỌC ANH	Nữ	11/02/2006	KIM SƠN - NINH BÌNH	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,50	6,50	9,80	6,95	Tiếng Anh	
16	**370034**	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	23/07/2006	VĨNH TƯỜNG - VĨNH PHÚC	Kinh	TH và THCS Phan Đình Giót	6,25	7,00	7,40	4,80	Tiếng Anh	
17	**370035**	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/11/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	5,75	4,50	5,60	1,88	Sinh Học	
18	**370036**	ĐÀM THỊ QUỲNH ANH	Nữ	25/07/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,75	7,25	8,60	8,00	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **3**
Từ SBD: **370037** đến SBD:**370054**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370037**	VŨ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	17/09/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	6,25	5,50	4,40	7,25	Địa Lý	
2	**370038**	ĐỖ THỊ VÂN ANH	Nữ	04/12/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	7,50	8,60	5,25	Vật Lý	
3	**370039**	NGUYỄN TỐNG PHƯƠNG ANH	Nữ	24/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	5,50	4,40	4,00	Sinh Học	
4	**370040**	NGUYỄN TRẦN MAI ANH	Nữ	22/10/2006	TP HỒ CHÍ MINH	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	8,00	8,80	7,65	Tiếng Anh	
5	**370041**	TRẦN TUẤN ANH	Nam	01/01/2006	EA KAR - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,50	3,75	2,20	5,50	Tin học	
6	**370042**	TRẦN TUẤN ANH	Nam	16/09/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	6,25	7,80	6,75	Vật Lý	
7	**370043**	LÊ VŨ NHẬT ANH	Nam	22/11/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Huệ	5,50	8,00	6,60	6,00	Vật Lý	
8	**370044**	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	07/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,75	8,25	9,40	8,45	Tiếng Anh	
9	**370045**	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	28/11/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	4,25	3,25	3,20	4,00	Lịch Sử	
10	**370046**	VÕ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	26/08/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	TH và THCS Phan Đình Giót	7,25	5,00	8,00	4,15	Tiếng Anh	
11	**370047**	ĐẶNG THANH BẠCH	Nam	08/07/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	3,50	3,50	9,00	3,00	Địa Lý	
12	**370048**	BÙI DIÊN GIA BẢO	Nam	15/04/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	8,25	9,80	9,75	Tin học	
13	**370049**	ĐOÀN GIA BẢO	Nữ	18/11/2005	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	7,75	3,40	6,38	Sinh Học	
14	**370050**	NGÔ GIA BẢO	Nam	15/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	3,00	1,25	3,00	2,25	Lịch Sử	
15	**370051**	NGUYỄN HỮU QUỐC BẢO	Nam	01/03/2006	NGHĨA HÀNH - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	4,50	2,50	3,40	0,75	Hóa Học	
16	**370052**	NGUYỄN AN BÌNH	Nữ	05/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,50	7,00	9,20	7,05	Tiếng Anh	
17	**370053**	ĐƯỜNG DUY BÌNH	Nam	16/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	2,75	5,00	4,40	2,50	Sinh Học	
18	**370054**	ĐỖ HẢI BÌNH	Nữ	14/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,75	8,25	10,00	8,55	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **4**
Từ SBD: **370055** đến SBD:**370072**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370055**	PHAN NGUYỄN LÂM BÌNH	Nam	07/07/2006	QUỲNH LƯU - NGHỆ AN	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	6,00	6,00	9,80	8,15	Tiếng Anh	
2	**370056**	HOÀNG PHÚC AN BÌNH	Nữ	29/11/2006	HOÀI NHƠN - BÌNH ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	7,75	6,00	5,50	Hóa Học	
3	**370057**	PHAN THANH BÌNH	Nam	25/07/2006	Tứ Kỳ - Hải DƯƠNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	6,00	3,60	7,25	Tin học	
4	**370058**	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	06/12/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Lợi	8,00	3,75	5,00	7,25	Lịch Sử	
5	**370059**	HỒ THỊ HẢI CHÂU	Nữ	19/09/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	7,00	4,75	7,40	4,75	Lịch Sử	
6	**370060**	DƯƠNG NGỌC QUỲNH CHI	Nữ	03/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	6,50	6,00	5,50	Sinh Học	
7	**370061**	TRẦN MẠNH CHIẾN	Nam	19/09/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	8,00	8,60	7,00	Vật Lý	
8	**370062**	VÕ MINH CHÍNH	Nam	29/05/2006	TUY HÒA - PHÚ YÊN	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	6,25	9,40	6,30	Tiếng Anh	
9	**370063**	NGUYỄN HỮU CHUNG	Nam	18/04/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,50	5,75	3,80	6,50	Địa Lý	
10	**370064**	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	20/01/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	6,25	5,50	6,20	6,00	Hóa Học	
11	**370065**	TRẦN VĂN CÔNG	Nam	26/02/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,50	4,50	8,80	4,50	Địa Lý	
12	**370066**	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	02/09/2006	ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH	Kinh	THCS Năm Nđir	6,25	6,50	5,40	4,25	Vật Lý	
13	**370067**	PHẠM VĂN CƯỜNG	Nam	04/04/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	8,00	2,80	5,00	Vật Lý	
14	**370068**	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH DAO	Nữ	13/05/2006	Đà LẠT - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	6,00	7,80	2,50	Vật Lý	
15	**370069**	HÀ HÂN DI	Nữ	17/09/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	6,50	5,25	7,00	3,75	Lịch Sử	
16	**370070**	PHAN THỊ DIỆU	Nữ	20/07/2006	ĐĂK R' LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Võ Văn Kiệt	7,25	6,50	5,80	4,38	Sinh Học	
17	**370071**	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU	Nữ	06/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,25	7,50	8,60	5,30	Tiếng Anh	
18	**370072**	PHẠM HOÀNG DUNG	Nữ	14/03/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	5,50	5,00	4,80	5,50	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM	NGƯỜI RÀ SOÁT	NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
(Họ tên và ký)	*(Họ tên và ký)*	*(Họ tên và ký)*	
Nguyễn Đức Hưng	Phạm Thị Hải	Lưu Đình Tín	**Phan Thanh Hải**

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **5**
Từ SBD: **370073** đến SBD:**370090**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370073**	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	04/04/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Lợi	6,00	7,00	4,60	6,50	Sinh Học	
2	**370074**	NGUYỄN BÁ DUY	Nam	22/04/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	2,75	4,80	3,25	Hóa Học	
3	**370075**	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	20/10/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	6,50	6,20	4,50	Vật Lý	
4	**370076**	LẠI ANH DŨNG	Nam	09/07/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	3,75	5,00	3,60	2,25	Sinh Học	
5	**370077**	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	08/07/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	6,50	6,50	8,80	10,00	Tin học	
6	**370078**	TRẦN MẠNH DŨNG	Nam	29/04/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	5,50	8,00	9,40	10,00	Tin học	
7	**370079**	BÙI QUỐC DŨNG	Nam	29/04/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	4,75	7,25	5,40	8,25	Hóa Học	
8	**370080**	TRẦN TẤN DŨNG	Nam	24/12/2006	ĐĂK R LẤP -ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Linh	5,75	5,00	4,80	2,00	Tiếng Anh	
9	**370081**	TRẦN TIẾN DŨNG	Nam	20/11/2006	K RÔNG ANA - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	5,00	6,50	4,40	7,50	Tin học	
10	**370082**	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	Nam	15/08/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	6,00	6,75	4,20	8,75	Tin học	
11	**370083**	PHAN MINH ĐẠT	Nam	14/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	6,00	4,25	3,40	5,00	Tin học	
12	**370084**	ĐOÀN THÀNH ĐẠT	Nam	24/01/2006	SƠN TỊNH - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,25	6,25	2,80	6,00	Địa Lý	
13	**370085**	TÔN THẤT ĐẠT	Nam	25/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	7,00	9,60	8,60	Tiếng Anh	
14	**370086**	ĐỖ TIẾN ĐẠT	Nam	02/01/2006	BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	8,25	4,40	7,25	Vật Lý	
15	**370087**	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	11/05/2006	DI LINH - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	7,50	3,00	7,25	Vật Lý	
16	**370088**	VŨ TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	08/08/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	7,25	7,60	6,50	Tin học	
17	**370089**	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	06/01/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	5,00	6,25	4,40	8,50	Tin học	
18	**370090**	PHẠM HẢI ĐĂNG	Nam	20/09/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,25	3,00	4,00	5,00	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **6**
Từ SBD: **370091** đến SBD:**370108**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370091**	ĐOÀN ĐÌNH ĐIỀN	Nam	08/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,25	3,75	4,00	5,00	Tin học	
2	**370092**	NGUYỄN VIẾT ĐÔN	Nam	13/09/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Tân Thành	5,00	3,75	6,20	2,75	Vật Lý	
3	**370093**	LÊ QUANG ĐÔNG	Nam	01/01/2006	ĐỊNH QUáN - ĐỒNG NAI	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,00	6,25	3,60	3,25	Hóa Học	
4	**370094**	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	19/02/2006	ĐĂK SONG -ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	4,50	8,25	7,20	6,75	Hóa Học	
5	**370095**	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	Nam	06/11/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Hưng Đạo	5,25	6,50	6,20	6,00	Hóa Học	
6	**370096**	TRẦN TRUNG ĐỨC	Nam	13/10/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,00	5,50	7,40	4,25	Vật Lý	
7	**370097**	ĐẶNG VĂN ĐỨC	Nam	31/10/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,75	3,50	3,80	5,25	Lịch Sử	
8	**370098**	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	14/08/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	4,50	3,50	6,20	8,75	Lịch Sử	
9	**370099**	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	21/05/2006	BUÔN MA THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	7,00	9,60	7,60	Tiếng Anh	
10	**370100**	TRẦN XUÂN ĐỨC	Nam	11/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	6,25	7,40	7,00	Vật Lý	
11	**370101**	LÊ ĐẠI GIA	Nam	19/08/2006	ĐĂK R'LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,00	6,00	7,80	9,00	Tin học	
12	**370102**	TRẦN TRÚC GIA	Nam	02/09/2006	ĐĂK LĂK	Mnông	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,75	3,00	8,60	5,95	Tiếng Anh	
13	**370103**	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	29/06/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	4,25	6,00	5,50	Hóa Học	
14	**370104**	NGUYỄN LƯU HƯƠNG GIANG	Nữ	29/09/2006	ĐĂK Hà - KONTUM	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	5,50	7,40	7,00	Hóa Học	
15	**370105**	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	08/08/2006	ĐĂK R'LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	5,50	6,75	4,60	7,75	Hóa Học	
16	**370106**	NGUYỄN TRẦN LINH GIANG	Nữ	29/10/2006	NGHĩA HƯNG - NAM ĐỊNH	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	6,00	5,20	5,50	Hóa Học	
17	**370107**	TRƯƠNG LÊ QUANG HÀ	Nam	24/12/2006	ĐĂK R LẬP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	3,25	8,00	4,20	4,25	Hóa Học	
18	**370108**	TRẦN NGUYÊN THÁI HÀ	Nam	28/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	4,25	5,00	3,00	3,38	Sinh Học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM	NGƯỜI RÀ SOÁT	NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
(Họ tên và ký)	*(Họ tên và ký)*	*(Họ tên và ký)*	
Nguyễn Đức Hưng	Phạm Thị Hải	Lưu Đình Tín	**Phan Thanh Hải**

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: 7
Từ SBD: **370109** đến SBD:**370126**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370109**	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	22/02/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	7,50	5,20	6,50	Địa Lý	
2	**370110**	ĐẶNG THỊ VIỆT HÀ	Nữ	17/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	3,75	1,25	3,20	3,00	Lịch Sử	
3	**370111**	NGUYỄN VĂN NAM HÀ	Nam	02/01/2006	TÂN UYÊN - BÌNH DƯƠNG	Kinh	THCS Trần Hưng Đạo	6,50	8,50	7,60	8,75	Hóa Học	
4	**370112**	HOÀNG NHẬT VŨ HÀO	Nam	27/01/2006	LÂM Hà - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	6,25	4,80	9,00	Hóa Học	
5	**370113**	TRỊNH QUỐC HOÀNG HẢI	Nam	13/02/2006	QUẢNG KHÊ - ĐĂK GLONG -	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	6,25	4,80	6,50	Vật Lý	
6	**370114**	NGUYỄN THỊ NGỌC HẢO	Nữ	23/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	7,50	7,75	7,00	6,50	Vật Lý	
7	**370115**	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	25/08/2006	ứNG HòA - Hà Nội	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,50	3,25	5,80	2,90	Tiếng Anh	
8	**370116**	NGUYỄN BẢO HÂN	Nữ	06/02/2006	Đà NẵNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,00	7,25	9,60	8,50	Tiếng Anh	
9	**370117**	NGUYỄN CAO GIA HÂN	Nữ	07/08/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,50	6,50	9,20	8,10	Tiếng Anh	
10	**370118**	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	30/06/2006	BUÔN MA THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	6,50	8,00	6,15	Tiếng Anh	
11	**370119**	BÙI THỊ NGỌC HÂN	Nữ	30/11/2006	QUảNG NGãI - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	7,75	5,00	7,50	Hóa Học	
12	**370120**	TRẦN HỒ THẢO HIỀN	Nữ	01/06/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,75	6,25	8,00	2,00	Hóa Học	
13	**370121**	BÙI THỊ HIỀN	Nữ	20/02/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	7,25	6,20	2,25	Sinh Học	
14	**370122**	ĐINH THỊ THU HIỀN	Nữ	16/02/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,00	6,75	8,20	6,75	Địa Lý	
15	**370123**	VŨ ĐÌNH HIẾU	Nam	13/11/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	6,00	6,75	5,60	5,00	Vật Lý	
16	**370124**	MAI NGỌC HIẾU	Nam	16/09/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	3,25	3,20	3,25	Địa Lý	
17	**370125**	HOÀNG TRUNG HIẾU	Nam	28/02/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	TH và THCS Hai Bà Trưng	7,00	7,25	4,20	8,25	Lịch Sử	
18	**370126**	NGUYỄN HUY HIỆP	Nam	13/09/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	2,75	4,20	5,75	Lịch Sử	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **8**
Từ SBD: **370127** đến SBD:**370144**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370127**	BÙI THỊ THU HOÀI	Nữ	10/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	5,25	5,60	3,75	Vật Lý	
2	**370128**	MA PHAN NGUYÊN HOÀN	Nam	03/09/2006	ĐẮK G'LONG - ĐẮK NÔNG	Tày	THCS Nguyễn Du	6,00	5,50	5,00	3,75	Vật Lý	
3	**370129**	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	14/06/2006	ĐẮK R LẤP - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Hưng Đạo	6,50	7,75	6,00	5,00	Sinh Học	
4	**370130**	HUỲNH LÊ HOÀNG	Nam	27/01/2006	K RÔNG ANA - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Cao Bá Quát	5,75	7,00	7,00	6,75	Vật Lý	
5	**370131**	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	29/11/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	5,75	3,50	4,40	3,50	Địa Lý	
6	**370132**	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	07/11/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,25	7,50	7,80	7,50	Hóa Học	
7	**370133**	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	23/12/2006	ĐẮK SONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	5,00	4,00	5,63	Sinh Học	
8	**370134**	VŨ THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	18/06/2006	PHù Cừ - HƯNG YÊN	Kinh	THCS Quang Trung	6,75	5,25	4,40	2,50	Hóa Học	
9	**370135**	ĐỖ THỊ HỒNG	Nữ	01/07/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	1,75	3,80	4,75	Lịch Sử	
10	**370136**	NGUYỄN ĐÌNH MẪU HỢP	Nam	09/11/2006	K RÔNG ANA - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Trần Phú	5,25	3,50	3,40	3,50	Địa Lý	
11	**370137**	NGUYỄN THỊ HỒNG HUẾ	Nữ	07/06/2006	THÁI THỤY - THÁI BÌNH	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	7,00	2,75	8,20	6,00	Địa Lý	
12	**370138**	ĐỖ HUY HUY	Nam	03/04/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,75	6,25	5,80	7,00	Tin học	
13	**370139**	BÙI QUANG HUY	Nam	15/02/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	5,25	7,20	6,50	Vật Lý	
14	**370140**	HỒ QUANG HUY	Nam	08/03/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	8,25	8,40	7,50	Vật Lý	
15	**370141**	ĐỖ QUỐC HUY	Nam	27/11/2006	ĐẮK GLONG - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,50	5,00	6,20	8,00	Địa Lý	
16	**370142**	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	10/03/2006	GIA NGHĨA - ĐẮK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,25	4,25	5,20	8,50	Lịch Sử	
17	**370143**	ĐẶNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	17/04/2006	PHù Mỹ - BÌNH ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	5,25	8,20	6,63	Sinh Học	
18	**370144**	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	12/01/2006	LÂM Hà - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	5,25	3,50	6,00	3,75	Sinh Học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **9**
Từ SBD: **370145** đến SBD:**370162**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370145**	PHÙNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	07/06/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	7,00	7,60	6,50	Hóa Học	
2	**370146**	LÊ THU HUYỀN	Nữ	02/01/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	KT	KT	0,00	KT	Lịch Sử	
3	**370147**	PHẠM CÔNG HÙNG	Nam	22/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	7,50	8,20	7,75	Vật Lý	
4	**370148**	HỒ NGUYỄN KIM HÙNG	Nam	06/03/2006	BìNH SƠN - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	6,25	4,80	5,75	Vật Lý	
5	**370149**	BÙI THANH HÙNG	Nam	04/09/2006	ĐĂK R' LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	6,25	7,75	7,60	7,25	Vật Lý	
6	**370150**	HÀ TUẤN HÙNG	Nam	30/11/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	7,25	9,20	7,95	Tiếng Anh	
7	**370151**	HOÀNG VĂN HÙNG	Nam	31/10/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	6,00	4,50	5,00	3,00	Vật Lý	
8	**370152**	PHAN VĂN HÙNG	Nam	08/07/2006	THUậN GIAO - BìNH DƯƠNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	7,00	5,60	1,50	Vật Lý	
9	**370153**	ĐÀO QUANG HƯNG	Nam	15/06/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	3,50	3,60	5,75	Lịch Sử	
10	**370154**	LÊ QUANG HƯNG	Nam	01/07/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	4,50	3,00	2,80	2,25	Sinh Học	
11	**370155**	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	25/03/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	6,25	3,50	5,60	3,75	Sinh Học	
12	**370156**	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	19/10/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,00	7,50	9,00	7,75	Tiếng Anh	
13	**370157**	TRẦN THỊ THU HƯỜNG	Nữ	09/06/2006	TUY ĐứC - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Bu PRăng	7,00	7,75	4,00	6,50	Sinh Học	
14	**370158**	NGUYỄN CÔNG HỮU	Nam	28/05/2006	ĐÔ LƯƠNG - NGHệ AN	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,25	2,50	2,40	0,25	Địa Lý	
15	**370159**	NGUYỄN GIA KHANG	Nam	16/02/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,00	8,00	6,40	7,25	Vật Lý	
16	**370160**	NGUYỄN CHÍ KHANH	Nam	16/02/2006	TƯ NGHĩA - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	7,00	9,40	6,70	Tiếng Anh	
17	**370161**	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	Nam	26/06/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	5,75	7,80	6,25	Hóa Học	
18	**370162**	TRẦN GIA KHÁNH	Nam	28/08/2006	ĐĂL NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	6,50	8,20	4,10	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **10**
Từ SBD: **370163** đến SBD:**370180**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370163**	VÕ NGỌC QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	4,00	4,60	5,00	Địa Lý	
2	**370164**	ĐINH NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	25/02/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,00	7,25	9,60	7,00	Tin học	
3	**370165**	PHẠM QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2006	KHÁNH XUÂN - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	4,00	6,20	5,00	Địa Lý	
4	**370166**	VŨ THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	20/12/2006	VĨNH TƯỜNG -VĨNH PHÚC	Kinh	THCS Đăk Buk So	6,50	6,50	9,20	7,70	Tiếng Anh	
5	**370167**	LÊ THỊ NHƯ KHÁNH	Nữ	09/11/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nâm Nđir	6,25	5,75	3,80	5,63	Sinh Học	
6	**370168**	PHẠM HOÀNG KHẢI	Nam	30/04/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	4,00	2,80	4,00	Tin học	
7	**370169**	PHẠM HOÀNG KHẢI	Nam	19/07/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,75	5,25	4,20	4,25	Hóa Học	
8	**370170**	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	06/02/2006	BÌNH SƠN - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,50	7,00	10,00	7,10	Tiếng Anh	
9	**370171**	PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	10/01/2006	EA SUP - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	7,75	4,20	5,75	Vật Lý	
10	**370172**	PHAN LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	17/05/2006	TP HỒ CHÍ MINH	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	4,75	8,00	9,20	6,00	Tiếng Anh	
11	**370173**	BÀNH TRUNG ANH KHOA	Nam	20/01/2006	BẢO LÂM - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	7,00	6,20	7,75	Sinh Học	
12	**370174**	NGUYỄN NGUYÊN KHÔI	Nam	13/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	7,25	6,60	3,75	Sinh Học	
13	**370175**	NGÔ XUÂN KHUÊ	Nam	28/08/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,00	5,75	3,80	4,50	Lịch Sử	
14	**370176**	NGUYỄN PHÚC TRUNG KIÊN	Nam	14/12/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	5,75	3,75	8,20	9,25	Tin học	
15	**370177**	ĐẶNG TRẦN TRUNG KIÊN	Nam	14/03/2006	K RÔNG ANA - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,50	8,25	8,60	5,50	Hóa Học	
16	**370178**	PHAN TRUNG KIÊN	Nam	22/08/2006	TRÙNG KHÁNH - CAO BẰNG	Nùng	THCS Đăk Buk So	3,50	4,25	6,40	0,25	Vật Lý	
17	**370179**	TRẦN TRÚC KIÊN	Nam	07/04/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Mnông	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	6,25	6,60	3,50	Địa Lý	
18	**370180**	NGUYỄN TRÍ KIỆT	Nam	26/08/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	7,00	9,60	9,50	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM	NGƯỜI RÀ SOÁT	NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
(Họ tên và ký)	*(Họ tên và ký)*	*(Họ tên và ký)*	
Nguyễn Đức Hưng	Phạm Thị Hải	Lưu Đình Tín	Phan Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **11**
Từ SBD: **370181** đến SBD:**370198**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370181**	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	30/01/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,25	4,00	2,80	4,25	Sinh Học	
2	**370182**	NGUYỄN HOÀNG LAN	Nữ	06/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	8,00	8,00	8,25	Hóa Học	
3	**370183**	VŨ THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	28/01/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	4,50	4,40	5,00	Hóa Học	
4	**370184**	LÊ THỊ MAI LAN	Nữ	11/02/2006	Võ NHAI - THáI NGUYÊN	Tày	THCS Nguyễn Trãi	7,50	8,00	7,80	7,00	Sinh Học	
5	**370185**	PHẠM TRẦN BẢO LÂM	Nam	05/08/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,75	0,50	6,20	2,75	Lịch Sử	
6	**370186**	MAI VĂN LÂM	Nam	23/10/2006	KRÔNG ANA - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	8,50	7,80	7,75	Vật Lý	
7	**370187**	NGUYỄN LẬP	Nam	13/12/2006	BắC BìNH - BìNH THUậN	Kinh	THCS Đăk Buk So	6,00	8,25	9,20	5,45	Tiếng Anh	
8	**370188**	NGUYỄN ĐÌNH LẬP	Nam	17/04/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	7,50	3,00	3,13	Sinh Học	
9	**370189**	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	21/02/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	2,75	4,60	6,50	Lịch Sử	
10	**370190**	LÊ KHÁNH THÙY LINH	Nữ	17/03/2006	Mộ ĐứC - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Chu Văn An	KT	KT	0,00	KT	Tiếng Anh	
11	**370191**	ĐẶNG NGỌC THÙY LINH	Nữ	28/09/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	5,25	5,00	2,80	2,00	Sinh Học	
12	**370192**	LƯU NGUYỄN HIỀN LINH	Nữ	08/02/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	8,25	7,40	6,25	Hóa Học	
13	**370193**	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	07/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	4,00	5,80	5,25	Hóa Học	
14	**370194**	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	24/11/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	8,25	8,00	6,75	Hóa Học	
15	**370195**	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	01/09/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	6,25	6,80	4,25	Tin học	
16	**370196**	VŨ THỊ LINH	Nữ	17/09/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Ngô Quyền	6,25	3,00	5,80	5,00	Địa Lý	
17	**370197**	PHẠM THỊ GIA LINH	Nữ	11/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	5,00	0,50	7,80	3,38	Sinh Học	
18	**370198**	LÊ THỊ MỸ LINH	Nữ	02/02/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	6,75	4,50	8,40	6,15	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **12**
Từ SBD: **370199** đến SBD:**370216**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370199**	TRẦN THỊ MỸ LINH	Nữ	30/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	4,75	5,00	3,80	0,75	Vật Lý	
2	**370200**	THÁI THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	22/08/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	8,25	9,00	7,75	Vật Lý	
3	**370201**	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	12/01/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,00	9,20	7,75	Hóa Học	
4	**370202**	NGUYỄN TRẦN YẾN LINH	Nữ	16/08/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	6,25	3,40	3,75	Vật Lý	
5	**370203**	LÊ TRÚC LINH	Nữ	24/07/2006	TP THANH HÓA - THANH HÓA	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,75	8,00	7,80	5,88	Sinh Học	
6	**370204**	TRẦN THỊ ÁNH LOAN	Nữ	01/08/2006	Bù ĐĂNG - BÌNH PHƯỚC	Kinh	THCS Quang Trung	5,75	6,50	4,00	2,50	Hóa Học	
7	**370205**	NGUYỄN THỊ TỐ LOAN	Nữ	22/06/2006	ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH	Kinh	THCS Năm Nđir	6,75	5,50	8,80	5,85	Tiếng Anh	
8	**370206**	ĐÀO NHẬT LONG	Nam	09/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	5,75	3,40	8,00	Tin học	
9	**370207**	NGUYỄN VŨ LUÂN	Nam	21/07/2006	AN NHƠN - BÌNH ĐỊNH	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	7,75	7,00	7,38	Sinh Học	
10	**370208**	LÊ HOÀNG THẢO LY	Nữ	02/10/2006	K RÔNG BÔNG - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	4,75	2,20	2,75	Lịch Sử	
11	**370209**	LÔ THỊ KHÁNH LY	Nữ	05/11/2006	BUÔN MA THUỘT - ĐĂK LĂK	Thái	THCS Trần Phú	8,50	7,00	8,80	7,20	Tiếng Anh	
12	**370210**	VÕ THỊ LY LY	Nữ	11/05/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Linh	6,75	7,50	4,40	6,75	Vật Lý	
13	**370211**	LÊ THỊ THẢO LY	Nữ	19/09/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Năm Nđir	6,25	6,75	9,00	4,90	Tiếng Anh	
14	**370212**	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	11/05/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,75	5,25	4,60	5,50	Sinh Học	
15	**370213**	LÊ ĐẶNG THÚY MAI	Nữ	13/11/2006	PHONG ĐIỀN - THỪA THIÊN	Kinh	THCS Trần Phú	5,75	3,75	6,60	3,75	Hóa Học	
16	**370214**	NGÔ NGỌC MAI	Nữ	28/06/2006	ĐĂK R' LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quang Khải	4,75	2,00	3,80	0,75	Hóa Học	
17	**370215**	ĐẶNG TRÚC MAI	Nữ	19/10/2006	EAKAR - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	8,75	8,20	9,50	Tin học	
18	**370216**	PHAN MẠNH	Nam	25/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	5,75	6,80	7,25	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **13**
Từ SBD: **370217** đến SBD:**370234**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370217**	NGUYỄN SỸ MẠNH	Nam	02/05/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,50	5,50	4,60	7,00	Tin học	
2	**370218**	LÊ TIẾN MẠNH	Nam	04/12/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	4,00	2,50	6,60	3,35	Tiếng Anh	
3	**370219**	TRẦN VĂN MẠNH	Nam	19/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,75	7,75	9,20	6,75	Tin học	
4	**370220**	NGUYỄN ĐÌNH MẪN	Nam	30/08/2006	Đại LộC - QUảNG NAM	Kinh	THCS Trần Phú	5,75	4,00	4,20	6,00	Tin học	
5	**370221**	LÀU ĐÔNG MINH	Nam	24/06/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Hoa	THCS Phan Bội Châu	6,50	8,00	5,00	7,25	Tin học	
6	**370222**	VI HỒNG MINH	Nữ	28/08/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Tày	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	4,25	4,40	6,75	Lịch Sử	
7	**370223**	NGUYỄN NGUYỆT MINH	Nữ	08/06/2005	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	7,75	9,20	3,25	Vật Lý	
8	**370224**	HOÀNG TRỊNH ANH MINH	Nam	07/04/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Tày	THCS Nguyễn Trãi	6,00	7,50	7,60	6,50	Hóa Học	
9	**370225**	LÊ HUỲNH HÀ MY	Nữ	14/06/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	6,50	8,60	4,38	Sinh Học	
10	**370226**	ĐỖ THỊ GIÁNG MY	Nữ	25/09/2006	ĐứC LINH - BìNH THUậN	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,75	8,25	9,00	5,50	Hóa Học	
11	**370227**	PHÙNG THỊ HÀ MY	Nữ	19/07/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	4,50	4,00	3,25	Sinh Học	
12	**370228**	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	24/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	7,75	9,20	6,80	Tiếng Anh	
13	**370229**	NGÔ TIỂU MY	Nữ	18/01/2006	CƯ M'GAR - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	8,25	6,00	6,25	Vật Lý	
14	**370230**	HOÀNG TRÀ MY	Nữ	02/09/2006	K RÔNG BUK - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	6,00	8,25	6,40	6,75	Sinh Học	
15	**370231**	PHAN TRÀ MY	Nữ	05/06/2006	TÂN UYÊN - BìNH DƯƠNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	6,25	7,00	4,88	Sinh Học	
16	**370232**	TRẦN HOÀNG NAM	Nam	19/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,25	8,00	7,60	3,75	Hóa Học	
17	**370233**	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	20/08/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	8,00	7,60	4,25	Hóa Học	
18	**370234**	HỒ KHÁNH NGÂN	Nữ	08/06/2006	ĐứC HòA - LONG AN	Kinh	THCS Đăk Nang	7,00	5,75	3,60	5,75	Hóa Học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **14**
Từ SBD: **370235** đến SBD:**370252**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370235**	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	10/08/2006	EAHLEO - ĐẮK LẮK	Kinh	THCS Trần Phú	7,25	4,00	4,80	2,00	Vật Lý	
2	**370236**	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	05/08/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	4,25	6,75	5,60	6,50	Hóa Học	
3	**370237**	HỒ THỊ THÚY NGÂN	Nữ	01/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	6,25	2,40	1,50	Hóa Học	
4	**370238**	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	Nữ	19/05/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	5,75	3,80	5,88	Sinh Học	
5	**370239**	TẠ THỊ THÚY NGÂN	Nữ	24/10/2006	Bù ĐỐP - BÌNH PHƯỚC	Kinh	THCS Ngô Quyền	4,75	7,00	5,00	7,75	Vật Lý	
6	**370240**	NGUYỄN HOÀNG TÂM NGHI	Nữ	09/07/2006	Hồ Chí MINH	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	5,75	7,20	4,80	Tiếng Anh	
7	**370241**	TRẦN VĂN NGHỊ	Nam	29/11/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nâm Nđir	5,00	5,75	3,80	5,50	Vật Lý	
8	**370242**	NGUYỄN BÁ TRỌNG NGHĨA	Nam	05/03/2006	K RÔNG PAK - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	6,50	6,80	6,00	Vật Lý	
9	**370243**	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	Nam	28/09/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	6,75	7,75	7,60	7,00	Vật Lý	
10	**370244**	NGUYỄN HỒNG NGOAN	Nữ	25/08/2006	QUảNG NINH - QUảNG BìNH	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	5,25	3,00	7,00	5,63	Sinh Học	
11	**370245**	PHAN HỒ KHÁNH NGỌC	Nữ	09/08/2006	BUÔN MA THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,25	8,00	9,20	5,50	Địa Lý	
12	**370246**	PHAN HỮU NGỌC	Nam	03/02/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	7,00	9,40	7,25	Vật Lý	
13	**370247**	LÊ NHƯ NGỌC	Nữ	19/06/2006	EAKAR - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	8,00	9,00	5,15	Tiếng Anh	
14	**370248**	NGUYỄN PHAN NHƯ NGỌC	Nữ	23/05/2006	TRIệU PHONG - QUảNG TRị	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,00	8,20	6,70	Tiếng Anh	
15	**370249**	DOÃN THẾ NGỌC	Nam	15/08/2006	SƠN TÂY - Hà TÂY	Kinh	THCS Phan Bội Châu	4,75	5,50	3,40	6,75	Vật Lý	
16	**370250**	LÊ THỊ NGỌC	Nam	05/05/2006	ĐĂK R LẤP -ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,75	5,75	4,60	5,00	Hóa Học	
17	**370251**	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	03/01/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,25	9,20	7,50	Sinh Học	
18	**370252**	ĐẶNG THỊ THANH NGỌC	Nữ	05/08/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Quang Trung	7,00	6,00	5,80	3,50	Vật Lý	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM	NGƯỜI RÀ SOÁT	NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
(Họ tên và ký)	*(Họ tên và ký)*	*(Họ tên và ký)*	
Nguyễn Đức Hưng	Phạm Thị Hải	Lưu Đình Tín	Phan Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **15**
Từ SBD: **370253** đến SBD:**370270**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370253**	PHẠM BẢO NGUYÊN	Nữ	17/02/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	8,50	9,80	8,30	Tiếng Anh	
2	**370254**	LÊ ĐÌNH NGUYÊN	Nam	24/10/2006	HOài ÂN - BìNH ĐịNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	4,75	5,40	1,75	Vật Lý	
3	**370255**	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG NGUYÊN	Nữ	20/08/2006	LAK - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	7,75	6,40	6,50	Hóa Học	
4	**370256**	PHẠM PHƯƠNG NGUYÊN	Nam	30/11/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,75	7,50	3,80	6,50	Địa Lý	
5	**370257**	TRƯƠNG SỸ ĐĂNG NGUYÊN	Nam	12/10/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	5,75	6,25	3,00	6,75	Vật Lý	
6	**370258**	BÙI VĂN GIA NGUYÊN	Nam	24/12/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	7,50	8,80	5,50	Vật Lý	
7	**370259**	HỒ VŨ HẠNH NGUYÊN	Nữ	15/04/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	8,00	5,75	9,60	7,25	Tiếng Anh	
8	**370260**	NGUYỄN HỒ ÁNH NGUYỆT	Nữ	03/07/2006	BUÔN MA THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,75	7,25	8,00	6,25	Vật Lý	
9	**370261**	LÊ HOÀNG NGUYỄN	Nam	02/05/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	8,25	3,00	8,00	5,35	Tiếng Anh	
10	**370262**	NGÔ VĂN NGUYỄN	Nam	30/05/2006	Mộ ĐứC - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	6,50	5,20	7,00	Vật Lý	
11	**370263**	MAI THANH NHÀN	Nữ	27/01/2006	Núi THàNH - QUảNG NAM	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	7,75	5,60	2,25	Hóa Học	
12	**370264**	TRẦN THANH NHÀN	Nữ	07/05/2006	QUế SƠN - QUảNG NAM	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,25	7,50	5,40	3,50	Hóa Học	
13	370265	NGUYỄN THANH NHÂN	Nam	02/12/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,25	3,75	3,00	0,75	Sinh Học	
14	**370266**	NGUYỄN ĐẮC NHẤT	Nam	23/02/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	8,00	7,60	7,75	Vật Lý	
15	**370267**	NGÔ ĐĂNG NHẬT	Nam	07/01/2006	HƯƠNG KHÊ - Hà TĩNH	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8,25	5,25	4,60	5,00	Vật Lý	
16	**370268**	VŨ ĐỨC NHẬT	Nam	02/02/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,75	4,50	6,80	2,75	Sinh Học	
17	**370269**	LÊ QUANG NHẬT	Nam	21/06/2006	ĐĂK R' LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	8,00	7,25	9,20	8,00	Vật Lý	
18	**370270**	NGỤ CẨM NHI	Nữ	19/01/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	7,00	9,00	6,85	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **16**
Từ SBD: **370271** đến SBD:**370288**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370271**	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	11/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,75	2,00	7,00	4,55	Tiếng Anh	
2	**370272**	TRƯƠNG PHẠM THẢO NHI	Nữ	04/09/2006	K RÔNG PAK - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	8,25	7,80	6,25	Hóa Học	
3	**370273**	NGÔ QUỲNH NHI	Nữ	05/02/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,25	6,75	9,00	5,80	Tiếng Anh	
4	**370274**	ĐỖ THỊ UYÊN NHI	Nữ	08/03/2006	TAM Kỳ - QUẢNG NAM	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	5,75	4,00	6,00	3,50	Sinh Học	
5	**370275**	HOÀNG THỊ YẾN NHI	Nữ	20/11/2006	HỒNG LĨNH - Hà TĨNH	Kinh	THCS Trần Phú	5,75	3,50	4,20	5,88	Sinh Học	
6	**370276**	LƯU VŨ PHƯƠNG NHI	Nữ	10/02/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	8,50	8,00	7,50	Tiếng Anh	
7	**370277**	CAO YẾN NHI	Nữ	27/12/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	7,25	4,20	6,00	Lịch Sử	
8	**370278**	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	07/01/2006	NGHI LỘC - NGHỆ AN	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,25	5,50	4,80	4,63	Sinh Học	
9	**370279**	BÙI TUYẾT NHUNG	Nữ	26/11/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	7,25	9,80	7,50	Tiếng Anh	
10	**370280**	PHÙNG HUỲNH TIỂU NHƯ	Nữ	29/07/2006	QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	4,50	7,25	6,20	6,25	Sinh Học	
11	**370281**	NGUYỄN THỊ MAI NHƯ	Nữ	05/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	7,50	9,00	5,85	Tiếng Anh	
12	**370282**	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	29/06/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	5,50	4,50	4,80	4,75	Địa Lý	
13	**370283**	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	30/09/2006	QUẢNG XƯƠNG - THANH HÓA	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,50	5,25	5,20	5,25	Vật Lý	
14	**370284**	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	30/03/2006	PHÚ VANG - HUẾ	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	7,00	8,75	4,20	8,00	Hóa Học	
15	**370285**	HOÀNG VŨ DIỄM NHƯ	Nữ	25/07/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	4,50	2,50	5,20	3,50	Địa Lý	
16	**370286**	PHẠM ĐẶNG TÚ OANH	Nữ	26/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,50	7,50	9,60	6,85	Tiếng Anh	
17	**370287**	ĐINH THỊ KIỀU OANH	Nữ	06/10/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	7,75	3,00	4,75	Hóa Học	
18	**370288**	MAI HOÀNG ĐÌNH PHÁT	Nam	11/09/2006	ĐĂK R' LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,00	8,00	6,80	5,50	Vật Lý	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **17**
Từ SBD: **370289** đến SBD:**370306**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370289**	ĐOÀN TRẦN TẤN PHÁT	Nam	17/01/2006	ĐĂK R LáP - ĐĂK NÔNG	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	4,75	7,00	8,00	5,50	Tin học	
2	**370290**	CHU VĂN PHÁT	Nam	28/08/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	6,00	2,75	4,00	5,00	Tin học	
3	**370291**	LÊ GIA PHÚ	Nam	17/01/2006	VÂN CANH - BìNH ĐịNH	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,30	4,25	5,20	2,50	Hóa Học	
4	**370292**	NGUYỄN HỮU PHÚ	Nam	06/02/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	6,00	7,00	3,25	Hóa Học	
5	**370293**	ĐẶNG VĂN MINH PHÚ	Nam	28/02/2006	BUÔN MÊ THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	8,00	6,00	7,00	Vật Lý	
6	**370294**	VŨ HOÀNG PHÚC	Nam	14/10/2006	DI LINH - LÂM ĐồNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	4,75	2,00	3,60	3,00	Địa Lý	
7	**370295**	LÊ HỒNG PHÚC	Nam	25/08/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,75	6,50	2,00	6,50	Vật Lý	
8	**370296**	BÙI MINH PHÚC	Nam	01/06/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	6,75	9,40	6,50	Hóa Học	
9	**370297**	LÊ THỊ ÁNH PHƯƠNG	Nữ	18/08/2006	Mộ Đức - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Phan Bội Châu	5,50	5,00	4,40	2,25	Hóa Học	
10	**370298**	LÂM QUỲNH PHƯỢNG	Nữ	13/05/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	TH và THCS Phan Đình Giót	7,75	6,00	5,60	5,25	Sinh Học	
11	**370299**	DOÃN HOÀNG QUANG	Nam	20/03/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	8,50	6,80	7,50	Vật Lý	
12	**370300**	LÊ HOÀNG QUANG	Nam	20/05/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	2,50	3,50	5,40	0,00	Tin học	
13	**370301**	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	22/05/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,75	6,50	3,40	7,50	Tin học	
14	**370302**	PHẠM NHẬT QUANG	Nam	01/01/2005	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	5,50	7,75	6,80	10,00	Tin học	
15	**370303**	VÕ PHẠM QUANG	Nam	14/07/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	4,25	2,75	2,00	4,00	Địa Lý	
16	**370304**	VÕ VINH QUANG	Nam	06/08/2006	ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	6,25	7,60	7,50	Lịch Sử	
17	**370305**	NGUYỄN DƯƠNG MINH QUÂN	Nam	11/10/2006	SƠN TịNH - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Khuyến	7,25	7,50	5,60	5,00	Vật Lý	
18	**370306**	ĐÀO THẾ QUÂN	Nam	08/07/2006	ĐứC THọ - Hà TĩNH	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	6,25	5,25	9,40	6,00	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **18**
Từ SBD: **370307** đến SBD:**370324**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370307**	NGUYỄN TRƯỜNG MINH QUÂN	Nam	22/06/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	4,50	4,75	3,20	4,50	Tin học	
2	**370308**	TRẦN DIỆU QUYÊN	Nữ	02/11/2006	Mộ Đức - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Đăk Buk So	7,50	7,50	7,20	8,75	Lịch Sử	
3	**370309**	TRIỆU THẢO QUYÊN	Nữ	22/02/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Tày	THCS Nguyễn Trãi	6,25	5,00	4,80	4,75	Sinh Học	
4	**370310**	LÊ ĐỖ NHƯQUỲNH	Nữ	16/12/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	5,25	6,75	4,00	1,50	Hóa Học	
5	**370311**	PHÙNG LÊ KHÁNH QUỲNH	Nữ	12/01/2006	SƠN TịNH - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	6,00	5,40	3,00	Hóa Học	
6	**370312**	TRẦN NGỌC NHƯQUỲNH	Nữ	01/11/2006	HƯNG NGUYÊN - NGHệ AN	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	7,50	6,25	4,40	5,00	Hóa Học	
7	**370313**	MAI THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	09/10/2006	THANH CHƯƠNG - NGHệ AN	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	8,25	8,20	4,75	Sinh Học	
8	**370314**	ĐỖ THỊ NHƯQUỲNH	Nữ	06/03/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	4,50	5,80	7,50	Hóa Học	
9	**370315**	PHẠM TRƯỜNG QUỲNH	Nam	10/01/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Tày	PTCS Võ Thị Sáu	5,75	8,00	5,00	6,50	Hóa Học	
10	**370316**	NGUYỄN QUANG SANG	Nam	26/06/2006	BUÔN MÊ THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	8,25	8,40	7,50	Vật Lý	
11	**370317**	TRẦN PHƯƠNG SINH	Nữ	28/10/2006	PHổ YÊN - THáI NGUYÊN	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	8,00	9,40	6,45	Tiếng Anh	
12	**370318**	LÂM THANH SƠN	Nam	13/09/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	7,00	8,80	7,50	Hóa Học	
13	**370319**	LÊ VẠN HOÀNG SƠN	Nam	24/02/2006	K RÔNG NĂNG - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,25	6,00	4,20	6,25	Địa Lý	
14	**370320**	HỒ NGUYỄN ANH SƯƠNG	Nữ	11/08/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	4,75	7,25	9,20	6,65	Tiếng Anh	
15	**370321**	PHAN TẤN TÀI	Nam	10/02/2006	TP Hồ CHí MINH	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	4,50	6,75	4,20	3,50	Vật Lý	
16	**370322**	PHẠM ĐOÀN MINH TÂM	Nữ	21/08/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	6,75	9,20	8,25	Hóa Học	
17	**370323**	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	10/11/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	4,50	5,60	2,75	Hóa Học	
18	**370324**	VŨ NGỌC TÂM	Nữ	23/08/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	8,00	6,00	8,40	8,75	Hóa Học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **19**
Từ SBD: **370325** đến SBD:**370342**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370325**	ĐẶNG SỸ MINH TÂM	Nam	01/12/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Võ Văn Kiệt	7,25	7,50	6,80	4,13	Sinh Học	
2	**370326**	NGUYỄN VĂN TRÍ TÂM	Nam	15/05/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	4,75	6,25	4,60	9,00	Tin học	
3	**370327**	NGUYỄN DUY TÂN	Nam	17/06/2006	TAM NÔNG - ĐồNG THáP	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,50	7,75	9,20	8,75	Hóa Học	
4	**370328**	NGUYỄN HUY TÂN	Nam	11/05/2006	K RÔNG BÔNG - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	7,25	8,60	9,00	Tin học	
5	**370329**	ĐINH TIẾN NHẬT TÂN	Nam	10/11/2006	NGHĩA HƯNG - NAM, ĐịNH	Kinh	THCS Ngô Quyền	6,25	3,75	3,60	0,50	Vật Lý	
6	**370330**	TRẦN VŨ NGỌC TÂN	Nam	29/06/2006	QUỳNH LƯU - NGHệ AN	Kinh	THCS Phan Bội Châu	7,00	7,75	8,20	8,25	Hóa Học	
7	**370331**	TRẦN VĂN TÂY	Nam	28/11/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	7,75	5,80	10,00	Tin học	
8	**370332**	NGUYỄN HOÀNG THAO	Nữ	13/07/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	7,75	7,00	6,25	Hóa Học	
9	**370333**	TRẦN CHÍ THÀNH	Nam	03/06/2006	BUÔN MA THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,75	3,25	4,40	2,00	Hóa Học	
10	**370334**	NGUYỄN TRÍ THÁI	Nam	22/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	8,25	9,60	6,00	Tin học	
11	**370335**	NGÔ LÊ MINH THẢO	Nữ	30/10/2006	EAKAR - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	6,00	9,60	8,00	Tiếng Anh	
12	**370336**	VŨ NGỌC PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/02/2006	BIÊN HòA - ĐồNG NAI	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	7,00	6,20	5,00	Hóa Học	
13	**370337**	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/02/2006	TÂN Kỳ - NGHệ AN	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	7,00	7,00	7,40	8,50	Hóa Học	
14	**370338**	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/03/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	TH và THCS Phan Đình Giót	6,50	2,75	4,60	5,75	Lịch Sử	
15	**370339**	NGUYỄN TRẦN NGUYÊN THẢO	Nữ	06/12/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,00	6,75	4,00	4,50	Địa Lý	
16	**370340**	ĐỖ THỊ HỒNG THẮM	Nữ	02/10/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	4,00	7,80	3,10	Tiếng Anh	
17	**370341**	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	05/06/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,50	5,75	2,80	3,00	Vật Lý	
18	**370342**	NGUYỄN ĐÌNH THI	Nam	25/01/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Chu Trinh	5,50	4,00	3,20	6,00	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG

Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **20**
Từ SBD: **370343** đến SBD:**370360**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370343**	NGUYỄN THỊ KIM THI	Nữ	01/09/2006	ĐĂK R' LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	3,50	5,00	6,50	Địa Lý	
2	**370344**	NGUYỄN VĂN ANH THI	Nam	12/10/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	6,75	4,40	7,25	Sinh Học	
3	**370345**	Y' THIÊN BON JỐC JU	Nam	18/09/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Mnông	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	4,50	9,20	7,05	Tiếng Anh	
4	**370346**	LÊ VĂN THIẾT	Nam	28/08/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Huệ	6,25	8,25	8,20	5,00	Vật Lý	
5	**370347**	ĐỖ QUANG THIỆN	Nam	13/12/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,00	5,75	8,00	3,80	Tiếng Anh	
6	**370348**	NGUYỄN LƯƠNG THÌ	Nam	04/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	8,00	7,25	9,40	6,75	Tiếng Anh	
7	**370349**	NGUYỄN HỮU THỊNH	Nam	31/07/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	6,50	7,00	3,80	3,75	Hóa Học	
8	**370350**	LÊ TÔN THỊNH	Nam	17/10/2006	TAM Kỳ - QUảNG NAM	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	5,50	6,75	8,00	10,00	Tin học	
9	**370351**	TỐNG NGỌC THÔNG	Nam	01/01/2006	VIỆT YÊN - BắC GIANG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	5,75	0,50	3,20	4,00	Địa Lý	
10	**370352**	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	Nữ	13/04/2006	ĐĂK R'LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	6,00	3,25	3,20	5,75	Lịch Sử	
11	**370353**	TRẦN MINH THUẬN	Nam	22/05/2006	PHù Mỹ -BìNH ĐịNH	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,00	6,75	4,60	3,75	Hóa Học	
12	**370354**	PHẠM THỊ THÙY	Nữ	06/04/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	5,50	6,75	3,00	7,25	Địa Lý	
13	**370355**	PHAN THỊ HẠNH THÙY	Nữ	03/12/2006	K RÔNG ANA - ĐĂK LĂK	Kinh	TH và THCS Nguyễn Du	7,25	9,00	9,40	7,25	Tiếng Anh	
14	**370356**	PHẠM THỊ KIM THÙY	Nữ	04/09/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,00	8,00	9,60	8,05	Tiếng Anh	
15	**370357**	LÊ THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	10/08/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	8,25	9,80	9,30	Tiếng Anh	
16	**370358**	PHAN DIỆP THANH THÚY	Nữ	17/04/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	8,25	7,80	6,25	Vật Lý	
17	**370359**	TRẦN THỊ DIỆU THÚY	Nữ	17/08/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	7,00	7,00	4,38	Sinh Học	
18	**370360**	TẠ THỊ THU THÚY	Nữ	01/03/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,50	6,50	5,00	9,50	Lịch Sử	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **21**
Từ SBD: **370361** đến SBD:**370378**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370361**	PHẠM THỊ THỦY	Nữ	03/12/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	4,75	4,40	1,75	Vật Lý	
2	**370362**	DƯƠNG THỊ THU THỦY	Nữ	28/08/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	6,75	9,00	7,90	Tiếng Anh	
3	**370363**	LÊ THỊ THU THỦY	Nữ	19/07/2006	TƯ NGHĨA - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,50	4,50	4,80	7,75	Lịch Sử	
4	**370364**	DOÃN HOÀNG ANH THƯ	Nữ	15/04/2006	NGHI LỘC - NGHệ AN	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	7,25	8,25	5,20	3,75	Hóa Học	
5	**370365**	PHẠM LÊ MINH THƯ	Nữ	24/01/2006	TUY PHƯớC - BìNH ĐịNH	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,25	8,25	9,40	7,45	Tiếng Anh	
6	**370366**	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	16/07/2006	ĐĂK R'LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Trãi	7,00	8,25	8,40	7,00	Sinh Học	
7	**370367**	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	14/07/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Chu Văn An	5,25	4,25	3,60	4,75	Hóa Học	
8	**370368**	HUỲNH NGỌC THANH THƯ	Nữ	18/01/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Ngô Quyền	6,00	7,00	5,40	6,25	Vật Lý	
9	**370369**	VÕ THỊ ANH THƯ	Nữ	04/08/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Quốc Toản	5,75	4,25	6,20	6,00	Tin học	
10	**370370**	TRẦN THỊ HUYỀN THƯ	Nữ	22/10/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	6,25	6,00	9,00	6,90	Tiếng Anh	
11	**370371**	HUỲNH NGỌC HOÀI THƯƠNG	Nam	30/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK SONG - ĐĂK	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,25	8,25	4,60	4,25	Hóa Học	
12	**370372**	NGUYỄN HUỲNH ANH THY	Nữ	12/11/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nâm Ndir	4,50	3,75	7,00	4,70	Tiếng Anh	
13	**370373**	PHẠM NGUYỄN ĐỨC TIẾN	Nam	20/11/2006	BUÔN MÊ THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	7,75	8,00	7,25	Vật Lý	
14	**370374**	TRẦN HOÀNG TIỆP	Nam	03/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	6,75	7,50	8,20	6,50	Hóa Học	
15	**370375**	NGUYỄN CAO TOÀN	Nam	15/02/2006	BUÔN MÊ THUộT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	6,25	8,25	8,80	8,00	Hóa Học	
16	**370376**	TÂN CAO TOÀN	Nam	11/10/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	4,75	5,25	6,00	6,00	Hóa Học	
17	**370377**	HOÀNG MẠNH TOÀN	Nam	15/01/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,00	6,50	5,40	6,75	Hóa Học	
18	**370378**	TRẦN PHÚ TOÀN	Nam	24/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	4,75	7,25	9,40	7,75	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐĂK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **22**
Từ SBD: **370379** đến SBD:**370396**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370379**	TRẦN QUỐC TOÀN	Nam	13/03/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	3,25	6,25	4,20	4,25	Vật Lý	
2	**370380**	NGUYỄN HÀ MINH TRANG	Nữ	19/03/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	7,75	6,80	4,50	Sinh Học	
3	**370381**	TRẦN HOÀNG TRANG	Nữ	26/11/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	6,50	7,75	5,20	9,00	Lịch Sử	
4	**370382**	LÔ HOÀNG MAI TRANG	Nữ	17/10/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Nùng	THCS Hoàng Văn Thụ	6,25	3,50	4,80	4,75	Địa Lý	
5	**370383**	PHAN HUYỀN TRANG	Nữ	15/12/2006	DIỄN CHÂU - NGHỆ AN	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	7,25	7,00	7,60	8,00	Lịch Sử	
6	**370384**	ĐOÀN NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	08/07/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	7,00	6,20	6,00	Sinh Học	
7	**370385**	LÊ NGUYỄN TƯỜNG TRANG	Nữ	17/06/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,00	6,25	9,20	6,15	Tiếng Anh	
8	**370386**	PHẠM THỊ TRANG	Nữ	06/04/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Cao Bá Quát	6,75	6,75	5,00	9,25	Tin học	
9	**370387**	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	18/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	6,50	4,00	4,40	2,00	Hóa Học	
10	**370388**	PHẠM THỊ NGỌC TRANG	Nữ	06/01/2006	LÂM Hà - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	4,75	4,25	5,40	3,00	Địa Lý	
11	**370389**	ĐINH THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	27/08/2006	ĐĂK G LONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	7,75	8,80	7,00	Hóa Học	
12	**370390**	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	23/01/2006	TUY ĐỨC - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Đăk Buk So	7,00	7,00	9,20	5,75	Tiếng Anh	
13	**370391**	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	25/03/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,25	7,50	5,60	6,13	Sinh Học	
14	**370392**	PHẠM THỊ THÙY TRANG	Nữ	18/08/2006	K RÔNG ANA - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	5,00	5,75	2,80	3,25	Vật Lý	
15	**370393**	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	21/02/2006	BUÔN MÊ THUỘT - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	8,25	4,60	7,50	Hóa Học	
16	**370394**	ĐỖ TRẦN KIỀU TRANG	Nữ	03/08/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	3,50	5,75	5,40	0,50	Sinh Học	
17	**370395**	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	31/12/2006	VĂN GIANG - HƯNG YÊN	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	7,75	9,40	7,35	Tiếng Anh	
18	**370396**	TRẦN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	16/06/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	4,75	5,25	4,80	2,50	Sinh Học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐĂK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **23**
Từ SBD: **370397** đến SBD:**370414**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370397**	HỒ PHƯƠNG TRÂM	Nữ	01/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	8,00	8,00	6,60	6,50	Vật Lý	
2	**370398**	BÙI THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	30/08/2006	K RÔNG ANA - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,25	3,75	5,60	7,00	Lịch Sử	
3	**370399**	HỒ THỊ QUỲNH TRÂM	Nữ	13/08/2006	K RÔNG NÔ - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS TT Đăk Mâm	7,50	7,75	9,60	7,65	Tiếng Anh	
4	**370400**	TRẦN VŨ BẢO TRÂM	Nữ	19/02/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Hoàng Văn Thụ	8,25	8,75	9,80	8,65	Tiếng Anh	
5	**370401**	NGUYỄN VŨ NGỌC TRÂM	Nữ	26/05/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,50	4,50	8,00	6,20	Tiếng Anh	
6	**370402**	THÁI BÁO TRÂN	Nữ	12/03/2006	BUÔN MA THUỘT - ĐĂK LAK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,00	7,75	9,60	8,50	Tiếng Anh	
7	**370403**	HUỲNH BẢO TRÂN	Nữ	28/08/2006	K RÔNG PAK - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,00	3,50	4,00	1,50	Hóa Học	
8	**370404**	NGUYỄN HẢI TRIỀU	Nam	08/09/2006	ĐĂK R' LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	6,75	8,25	10,00	6,90	Tiếng Anh	
9	**370405**	NGUYỄN BẢO MINH TRIẾT	Nam	16/11/2006	K RÔNG PĂK- ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	8,00	10,00	8,50	Tiếng Anh	
10	**370406**	NGUYỄN CAO NGỌC TRINH	Nữ	23/12/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	5,50	5,25	2,40	2,50	Sinh Học	
11	**370407**	NGUYỄN NGÔ THÙY TRINH	Nữ	28/03/2006	ĐĂK R LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Quang Trung	6,75	3,75	3,80	3,63	Sinh Học	
12	**370408**	DƯƠNG ĐÌNH TRÌNH	Nam	22/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	4,25	3,00	5,40	9,00	Tin học	
13	**370409**	VÕ NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	09/06/2006	SƠN TỊNH - QUẢNG NGÃI	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	5,00	8,00	5,00	Vật Lý	
14	**370410**	NGUYỄN HỮU TRỌNG	Nam	06/04/2006	ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	3,00	5,00	6,00	Lịch Sử	
15	**370411**	NGÔ TIẾN TRUNG	Nam	14/05/2005	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	6,25	8,50	4,00	8,25	Hóa Học	
16	**370412**	HUỲNH PHẠM BẢO TRÚC	Nữ	27/08/2006	XUYÊN MỘC - VŨNG TÀU	Kinh	THCS ngoài tỉnh	7,50	8,25	8,40	6,00	Hóa Học	
17	**370413**	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	08/10/2006	ĐĂK R'LẤP - ĐĂK NÔNG	Kinh	TH và THCS Hai Bà Trưng	6,50	4,75	2,40	4,00	Sinh Học	
18	**370414**	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	23/10/2006	BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG	Kinh	THCS Phan Bội Châu	6,50	7,75	5,00	9,50	Tin học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM	NGƯỜI RÀ SOÁT	NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
(Họ tên và ký)	*(Họ tên và ký)*	*(Họ tên và ký)*	
Nguyễn Đức Hưng	Phạm Thị Hải	Lưu Đình Tín	Phan Thanh Hải

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG

UBND TỈNH ĐĂK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **24**
Từ SBD: **370415** đến SBD:**370432**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370415**	NGUYỄN ĐỨC ANH TUẤN	Nam	21/06/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,50	4,50	7,80	6,90	Tiếng Anh	
2	**370416**	PHẠM XUÂN TUẤN	Nam	31/12/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,25	4,25	5,80	4,50	Hóa Học	
3	**370417**	TRẦN VĂN TUẤT	Nam	12/04/2006	ĐÔ LƯƠNG - NGHệ AN	Kinh	THCS Lý Thường Kiệt	5,75	5,50	4,20	7,00	Vật Lý	
4	**370418**	TRẦN VĂN TUỆ	Nam	14/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	8,75	7,20	5,50	Hóa Học	
5	**370419**	THÁI THỊ KIM TUYẾN	Nữ	21/06/2006	Hạ LONG - QUảNG NINH	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	6,50	7,00	5,60	6,25	Hóa Học	
6	**370420**	LÊ MINH TÚ	Nam	15/09/2006	ĐĂK R LáP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Du	7,00	6,75	6,60	6,63	Sinh Học	
7	**370421**	MAI NGUYỄN HỒNG TƯƠI	Nữ	06/04/2006	TUY ĐứC - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Bu PRăng	7,00	5,00	5,00	5,25	Sinh Học	
8	**370422**	TRẦN THẾ UY	Nam	09/08/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Trần Phú	7,00	6,50	4,00	4,88	Sinh Học	
9	**370423**	HUỲNH BẢO UYÊN	Nữ	26/01/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	4,50	3,60	6,75	Lịch Sử	
10	**370424**	TRỊNH DIỄM UYÊN	Nữ	31/05/2006	THủ ĐứC - TP Hồ CHí MINH	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	5,25	8,00	6,63	Sinh Học	
11	**370425**	NGUYỄN HỒNG UYÊN	Nữ	18/06/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	7,50	8,50	8,00	7,00	Tin học	
12	**370426**	THI MAI THẢO UYÊN	Nữ	12/10/2006	PHƯớC LONG - BìNH PHƯớC	Kinh	THCS Lương Thế Vinh	6,75	7,50	6,80	7,75	Vật Lý	
13	**370427**	HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	24/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	5,50	6,00	5,63	Sinh Học	
14	**370428**	LƯU THẢO UYÊN	Nữ	24/09/2006	CƯ JUT - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	7,00	6,25	7,80	4,00	Địa Lý	
15	**370429**	LỘC THỊ KIỀU UYÊN	Nữ	26/09/2006	Bù ĐĂNG - BìNH PHƯớC	Nùng	TH và THCS Nguyễn Du	7,00	3,50	3,40	8,50	Lịch Sử	
16	**370430**	PHẠM THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	05/12/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,50	5,75	5,80	5,00	Lịch Sử	
17	**370431**	NGUYỄN THẢO VÂN	Nữ	15/09/2006	ĐĂK R'LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Linh	6,50	4,25	8,40	3,60	Tiếng Anh	
18	**370432**	PHẠM NỮ HÀ VI	Nữ	21/04/2006	ĐAK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	7,50	4,00	4,00	3,75	Hóa Học	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM	NGƯỜI RÀ SOÁT	NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
(Họ tên và ký)	*(Họ tên và ký)*	*(Họ tên và ký)*	
Nguyễn Đức Hưng	Phạm Thị Hải	Lưu Đình Tín	Phan Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐĂK NÔNG

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **25**
Từ SBD: **370433** đến SBD:**370450**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370433**	TRẦN HOÀNG VIỆT	Nam	22/06/2006	ĐĂK R LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lý Tự Trọng	5,00	7,25	4,80	1,75	Hóa Học	
2	**370434**	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	07/10/2006	PHù Mỹ - BìNH ĐịNH	Kinh	THCS Nguyễn Chí Thanh	5,75	3,25	4,20	5,25	Tin học	
3	**370435**	HOÀNG CÔNG VINH	Nam	03/02/2006	ĐĂK GLONG - ĐĂK NÔNG	Tày	THCS Chu Văn An	4,25	4,25	3,40	3,00	Tin học	
4	**370436**	LÊ DUY NGUYÊN VŨ	Nam	19/10/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	4,50	7,40	5,75	Tin học	
5	**370437**	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	Nam	23/01/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	4,25	0,50	5,00	3,00	Địa Lý	
6	**370438**	LANG HOÀNG VŨ	Nam	03/12/2006	TÂN Kỳ - NGHệ AN	Thái	THCS Nguyễn Tất Thành	3,50	7,50	5,40	2,50	Hóa Học	
7	**370439**	MAI KHẮC HOÀNG VŨ	Nam	28/05/2006	TUY ĐứC - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Bu PRăng	5,50	8,50	6,00	6,25	Vật Lý	
8	**370440**	ĐẶNG NGUYỄN NGUYÊN VŨ	Nam	03/06/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,75	7,50	5,60	3,50	Hóa Học	
9	**370441**	LÊ PHAN ANH VŨNG	Nam	15/07/2006	KRÔNG PAK - ĐĂK LĂK	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,00	7,50	7,40	4,75	Vật Lý	
10	**370442**	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	23/04/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,50	7,75	4,80	4,75	Hóa Học	
11	**370443**	VÕ HÀ VY	Nữ	16/03/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,50	3,25	4,60	4,50	Lịch Sử	
12	**370444**	TRINH THỊ HÀ VY	Nữ	13/09/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	4,50	3,25	3,60	2,75	Lịch Sử	
13	**370445**	LÊ THỊ KIỀU VY	Nữ	07/06/2006	BảO LÂM - LÂM ĐồNG	Kinh	THCS Nguyễn Công Trứ	6,75	4,50	3,20	7,00	Lịch Sử	
14	**370446**	NGUYỄN THỊ LAN VY	Nữ	31/01/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6,75	8,00	6,20	7,25	Vật Lý	
15	**370447**	TRẦN THỊ THẢO VY	Nữ	09/01/2006	GIA NGHĩA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,25	6,75	7,80	4,00	Vật Lý	
16	**370448**	ĐẶNG THỊ YẾN VY	Nữ	13/03/2006	TƯ NGHĩA - QUảNG NGãI	Kinh	THCS Trần Quang Khải	5,50	6,75	4,80	2,25	Vật Lý	
17	**370449**	HOÀNG THỊ YẾN VY	Nữ	06/03/2006	ĐĂK R'LấP - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Ngô Quyền	6,25	7,50	8,00	6,75	Vật Lý	
18	**370450**	ĐOÀN YẾN VY	Nữ	07/06/2006	Lý NHÂN - Hà NAM	Kinh	THCS ngoài tỉnh	4,50	7,50	9,60	6,45	Tiếng Anh	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)
Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)
Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)
Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG
Phan Thanh Hải

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Kỳ thi: Tuyển sinh THPT năm 2021
Khoá thi ngày: 07,08,09/06/2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng thi: THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
Phòng thi số: **26**
Từ SBD: **370451** đến SBD:**370457**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm thi					Ghi chú
								Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Môn thi chuyên		
1	**370451**	NGUYỄN VĂN VỸ	Nam	23/01/2006	ĐĂK MIL - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	4,50	7,50	2,40	8,50	Hóa Học	
2	**370452**	NGUYỄN THỊ HOÀNG XUÂN	Nữ	19/04/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	4,75	2,50	6,00	4,25	Sinh Học	
3	**370453**	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	03/08/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Tất Thành	6,50	7,50	6,00	3,75	Hóa Học	
4	**370454**	PHẠM HOÀNG YẾN	Nữ	25/06/2006	THƯỜNG TÍN - Hà Nội	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5,75	8,25	5,40	6,25	Vật Lý	
5	**370455**	NGUYỄN ĐOÀN NHƯ Ý	Nữ	16/10/2006	GIA NGHĨA - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	2,75	2,25	5,60	2,90	Tiếng Anh	
6	**370456**	THÂN NHƯ Ý	Nữ	30/10/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Lê Quý Đôn	7,00	5,50	5,80	5,00	Tin học	
7	**370457**	HỒ THỊ NHƯ Ý	Nữ	25/12/2006	ĐĂK SONG - ĐĂK NÔNG	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6,50	6,25	5,40	9,00	Lịch Sử	

Đắk Nông, ngày 16 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Nguyễn Đức Hưng

NGƯỜI RÀ SOÁT
(Họ tên và ký)

Phạm Thị Hải

NGƯỜI NẠP ĐIỂM VÀ IN
(Họ tên và ký)

Lưu Đình Tín

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG

Phan Thanh Hải